

TỪ PHẠM TRÙ “NHÂN” CỦA NHO GIÁO ĐẾN PHẠM TRÙ “NHÂN” TRONG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

PHAN MẠNH TOÀN*

Tóm tắt: Bài viết phân tích “Nhân” của Nho giáo và “Nhân” trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Theo tác giả, trong Nho giáo Trung Quốc sơ kỳ, nhân được hiểu là yêu thương con người, là đạo làm người mà cốt lõi là trung - thứ, là một phẩm chất của người quân tử. Trong Nho giáo Việt Nam, ngoài những nội dung trên, nhân còn là yêu nước, thương dân; là khoan dung độ lượng, là yêu chuộng hòa bình. Quan niệm của Hồ Chí Minh về nhân không hoàn toàn giống quan niệm của Nho giáo về nhân. Đối với Hồ Chí Minh, nhân còn là tình yêu thương đối với Tổ quốc, đồng bào, nhân loại cần lao, là sự đấu tranh xóa bỏ áp bức và bất công, giải phóng con người.

Từ khóa: Nhân, Nho giáo sơ kỳ, Nho giáo Việt Nam, Hồ Chí Minh.

1. “Nhân” là một trong những phạm trù cơ bản của Nho giáo Trung Quốc, có nội dung rất phong phú, đa dạng, nhiều vẻ. Trong *Luận ngữ*, hơn một trăm lần Khổng Tử nói về “Nhân”, coi đó là một trong những phẩm chất đạo đức cao nhất. Mặc dù vậy, bản thân người sáng lập Nho giáo cũng không đưa ra một định nghĩa nhất quán về phạm trù này, mà thông thường tùy lúc, tùy nơi, tùy từng hoàn cảnh và đối tượng học trò mà ông giảng giải về “Nhân” theo những nghĩa, những cách khác nhau. Nội dung bao quát của “Nhân” trong Nho giáo sơ kỳ được thể hiện trên những ý nghĩa cơ bản sau:

Thứ nhất, “Nhân” là lòng yêu thương con người. Đây là nội dung cơ bản đầu tiên, có tính khái quát của phạm trù “Nhân”. Ý nghĩa này được thể hiện rất

rõ trong sách *Luận ngữ*. Khi học trò là Phan Trì hỏi về “Nhân”, Khổng Tử đáp: “Nhân là thương người”.

Thứ hai, “Nhân” là đạo làm người mà cốt lõi là trung - thứ. Ở trên đã cho thấy, “Nhân” trước hết mang nghĩa là yêu người, nhưng thế nào là yêu người? Trả lời cho vấn đề đó, Khổng Tử chỉ ra con đường để thực hiện - đó là phải trung - thứ, yêu người là phải “trung” và “thứ”. Theo nghĩa này, “Nhân” thể hiện rõ rệt mối quan hệ giữa người với người - là đạo làm người.

“Trung” tức là “Mình muốn lập thân thì cũng lo giúp người lập thân, mình muốn thông đạt thì cũng lo giúp người thông đạt” (Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân). Đó là đức tính

(*) Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

thăng thần, tận tâm đối với người. Nói cách khác, đó là một tiêu chuẩn về hành vi giữa người với người chứ không chỉ là đạo đức của kẻ bề tôi. “Thứ” tức là “Điều gì mình không muốn thì chớ đem đối xử với người khác” (Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân). Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét rằng, triết lý đạo Khổng và triết lý phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”.

Thứ ba, “Nhân” là một đức, một phẩm chất của người quân tử. Nhà Nho đặt ra yêu cầu “người quân tử trong khoảng bữa ăn cũng không trái nhân, vội vàng cũng phải theo nhân, hoạn nạn cũng phải theo nhân”. “Nhân” không phải là phẩm chất của một lực lượng thần thánh siêu nhiên, mà là phẩm chất của con người trần tục, nhưng trong Nho giáo “Nhân” lại được hiểu là một đức, một thuộc tính chỉ có ở người quân tử mà thôi.

Nội dung của phạm trù “Nhân” ngày càng được mở rộng theo sự phát triển của Nho giáo trong tiến trình lịch sử. Hán Nho, Đồng Trọng Thư đã mở rộng phạm vi của chữ “Nhân” từ lòng yêu người đến lòng yêu vạn vật như điều thú, côn trùng: “Từ cái cốt yếu là yêu dân mà suy xuống dưới như điều thú, côn trùng, không loài nào không yêu, không yêu sao đủ gọi là nhân?”⁽¹⁾. Quan niệm về “Nhân” tiếp tục được mở rộng ở Tống Nho. Thời kỳ này, do sự ảnh hưởng mạnh mẽ của đạo Phật, đạo Lão, các nhà nho (tiêu biểu như Trương Hoàng Cừ, Trình Minh Đạo...) coi thiên địa, vạn vật đều là một thể, đều từ một

khí mà biến hóa ra, không phân biệt ta với vật, đã yêu thì yêu hết thấy muôn loài, muôn vật không cần tính toán, và yêu muôn loài muôn vật như chính bản thân ta. Theo họ như vậy mới thực sự là “Nhân”. Về lý thuyết, Hán Nho và Tống Nho mở rộng nội dung của “Nhân” đến cả điều thú, côn trùng, đến muôn vật, muôn loài, nhưng trên thực tế, Hán Nho và Tống Nho đã tước bớt những yếu tố nhân văn, nhân bản của Nho giáo sơ kỳ và đưa vào đó nhiều quan điểm thần bí duy tâm, nhấn mạnh quan hệ ràng buộc trên - dưới một cách khắt khe đến nghiệt ngã.

Có thể nói, quan niệm về “Nhân” của Nho giáo mang tính hai mặt, chứa đựng cả yếu tố tích cực lẫn tiêu cực, cả yếu tố nhân bản lẫn những yếu tố phi nhân bản. Mặt tích cực là nó góp phần giáo dục con người quan hệ với nhau trên cơ sở của tình thương yêu, lòng nhân ái, sống với nhau có tình có nghĩa. Nó kêu gọi con người không làm điều tàn ác, bất nhân, vô đạo. So với các học thuyết đương thời, nó thể hiện một tinh thần nhân văn, nhân đạo rõ rệt. Tuy nhiên, quan niệm về “Nhân” của Nho giáo cũng bộc lộ những mặt hạn chế, tiêu cực. Quan niệm đó chủ trương yêu thương con người, nhưng không phải con người trong quan hệ bình đẳng, mà phải nằm trong trật tự “luân thường”. Nho giáo tỏ thái độ phân biệt rất rõ ràng

⁽¹⁾ Giản Chi - Nguyễn Hiến Lê (2004), *Đại cương triết học Trung Quốc*, tập 2, Nxb Thanh niên, tr. 410-411.

về đối tượng của sự yêu thương. Đối tượng đó không giống nhau, mà có sự sai khác, phải phân biệt theo sự thân sơ, đẳng cấp, tước vị. Nó quá đề cao quan hệ huyết thống, tuyệt đối hóa các quan hệ gia đình, dòng tộc, quan hệ máu mủ. Khẳng định “Nhân” là phẩm chất đạo đức cao quý, là mục đích cao nhất của sự tu dưỡng, nhưng coi đó không phải là phẩm chất chung của những con người bình thường, mà chỉ là phẩm chất của người quân tử, là đức của người cầm quyền. Chữ “Nhân” chỉ là phẩm chất của người bề trên, nó mang tính chiếu cố ban ơn đối với người dưới. Nhân trong đạo đức Nho giáo chỉ dừng lại ở chỗ kêu gọi người ta an phận chờ thời, khiêm nhường cung kính; nó không kích thích, không cổ vũ cho sự phấn nộ trước những bất công xã hội, sự đấu tranh đòi quyền được sống trong độc lập, tự do, dân chủ, mà chỉ là chờ đợi sự yêu thương từ kẻ khác, từ thế lực cầm quyền cai trị (“Trị đạo Nho giáo dựa vào lòng nhân của vua, quan là chính”⁽²⁾). Hơn nữa, nó đối lập nhân nghĩa với đời sống vật chất, với việc làm giàu, phát triển kinh tế. Nho giáo đặt vấn đề “vi nhân” với “vi phú” trong quan hệ loại trừ nhau. Trong quan niệm của Nho giáo về “Nhân”, con người ít được nhìn nhận từ phương diện con người tự nhiên - sinh học với những nhu cầu sống và kiếm tìm hạnh phúc cá nhân. Cũng do không xuất phát từ nền tảng tự nhiên của con người nên quan niệm về lòng thương người của Nho giáo không phát triển thành chủ nghĩa nhân đạo cao cả - giải phóng con

người, nhìn nhận con người với tư cách chủ nhân thực sự của cuộc đời.

2. Ở Việt Nam, tình thương và lòng nhân ái của nhân dân ta trước hết là sản phẩm tất yếu của lịch sử xã hội Việt Nam, được nảy sinh từ thực tiễn đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Nho giáo và Phật giáo tồn tại và từng giữ vị trí chi phối trong một thời gian dài trong lịch sử nước ta, nên có ảnh hưởng đến tình cảm đạo đức của nhân dân ta là điều không tránh khỏi. Nhưng điều đó không có nghĩa là lòng nhân ái của dân tộc ta nhất thiết phải lấy từ Nho hoặc Phật. “Nhân” ở Việt Nam không phải là “bản sao” của “Nhân” trong Nho giáo Trung Quốc hay “từ bi” của đạo Phật. Nhân dân ta tiếp thu những nội dung nhất định của “Nhân” là bởi đạo lý đó có điều phù hợp với nhu cầu của dân tộc ta. Nhân dân ta vốn sống nhân ái, vị tha trước khi biết đến đạo lý “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” của Nho giáo. Dĩ nhiên, Nho giáo cũng có vai trò nhất định trong việc giúp nhân dân ta đúc kết, hệ thống hóa một số quan điểm đạo đức truyền thống của dân tộc.

Có thể nói, từ phạm trù “Nhân” trong Nho giáo Trung Quốc đến phạm trù “Nhân” trong Nho giáo ở Việt Nam có một quá trình vận động, biến đổi phức tạp, thăng trầm theo dòng lịch sử. Trong quá trình vận động ấy diễn ra sự ảnh hưởng, tiếp biến và làm “khúc xạ” nội dung của nó. Ở Việt Nam, những

⁽²⁾ Lê Sĩ Thắng (chủ biên) (1994), *Nho giáo tại Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 134.

nội dung ấy không còn nguyên xi như quan niệm của các “thánh hiền” Nho giáo Trung Quốc, mà được tiếp thu có chọn lọc, được bổ sung, làm phong phú bởi truyền thống nhân văn của dân tộc, gắn liền với yêu cầu của mỗi thời kỳ lịch sử, với vai trò, phẩm chất của chủ thể. Tuy nhiên, phạm trù “Nhân” trong Nho giáo ở Việt Nam có những sắc thái riêng nhất định bởi nó được bổ sung bằng thực tiễn lịch sử và truyền thống văn hóa Việt Nam:

Thứ nhất, “Nhân” trong Nho giáo ở Việt Nam cũng mang nội dung trước hết là “yêu người”, song “yêu người” gắn với yêu nước, thương dân. Giáo sư Trần Văn Giàu cho rằng, “Khái niệm nhân ái Nho giáo vào tâm tư người Việt Nam thành ra yêu đồng bào, yêu Tổ quốc trước hết”⁽³⁾. Yêu nước thực chất chính là yêu thương con người ở một trình độ cao hơn. Tình thương đó không chỉ đơn thuần là tình thương của cá nhân này với một cá nhân khác, mà cao hơn thế, nó còn phản ánh quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng; cộng đồng đó là nhân dân, là đất nước. Nó gắn vận mệnh của cá nhân với vận mệnh và sự sống còn, tồn vong của dân tộc. Vị trí của dân được đề cao, vai trò của dân được xem trọng. Nhân nghĩa gắn liền với chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo cao cả. Giáo sư Vũ Khiêu nhận xét: “Coi chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo là đạo lý làm người là nội dung của nhân nghĩa theo cách hiểu của Việt Nam, nho sĩ Việt Nam vay mượn những lời lẽ của Khổng Tử để cổ vũ

cho đạo lý ấy”⁽⁴⁾.

Thứ hai, “Nhân” chứa đựng một tinh thần khoan dung độ lượng cao cả, độ lượng với những kẻ lầm đường lạc lối, khoan dung với ngay chính kẻ thù xâm lược khi chúng đã thất bại đầu hàng. Đó là một phương châm xử thế đậm chất truyền thống dân tộc.

Người trong quan niệm của các nhà nho tiến bộ ở Việt Nam không phải là con người chung chung trừu tượng, phi giai cấp, phi lịch sử; “người” ở đây được thể hiện rất rõ ràng - đó là người dân lao động làm than khổ cực, là những dân “manh lệ”, là “dân đen”, “con đò”, những người dân nô lệ mất nước, bị áp bức. Cần nói thêm rằng, “yêu người” trong quan niệm của các nhà Nho Việt Nam cũng bao hàm cả nội dung “ghét người”, song đối tượng của sự “ghét” ở đây cũng được xác định cụ thể - đó là ghét kẻ xâm lăng, ghét kẻ giả nhân giả nghĩa lợi dụng chiêu bài nhân nghĩa để reo rắc tai họa cho người khác, cho nhân dân nước khác - nói chung là ghét kẻ thù xâm lược, “thề không đội trời chung với quân nghịch tặc”. Mặc dù vậy, khi chúng đã thất bại lại khoan dung, mở đường “hiếu sinh” mà không “hiếu sát”.

Thứ ba, tư tưởng yêu chuộng hòa bình, tránh binh đao; xây dựng đất nước hòa bình, nhân dân no đủ, xã hội hoà mục là lý tưởng cao nhất của nhân nghĩa

⁽³⁾ Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 254.

⁽⁴⁾ Vũ Khiêu (chủ biên) (1991), *Nho giáo xưa và nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 322.

Việt Nam. Một xã hội ổn định, thái bình, không có binh đao khói lửa chiến tranh, trên dưới vua tôi hoà mục là điều mà các nhà Nho Việt Nam mong mỏi.

3. Khi vào nước ta, các phạm trù đạo đức Nho giáo đã phần nào được “Việt Nam hoá” và góp phần hình thành nên những yếu tố truyền thống của dân tộc ta, nên chúng đã từng quen thuộc với người dân Việt Nam từ lâu đời. Hồ Chí Minh đã không vứt bỏ chúng một cách cực đoan. Người sử dụng và cải tạo chúng, bổ sung cho chúng bằng những nội dung mới của thời đại; kết hợp giá trị đạo đức cũ với giá trị đạo đức mới, cái truyền thống với cái hiện đại. Đồng thời, để mọi người hiểu đúng nội dung của những khái niệm mà mình sử dụng, Người thường giảng giải rất cụ thể.

Khái quát về đạo đức Nho giáo, Người cho rằng: “Khổng Tử dạy đạo đức là nhân nghĩa”⁽⁵⁾. Nhưng nếu đức “Nhân” của Nho giáo chỉ nói đến yêu người trong một phạm vi hạn chế, một khuôn khổ chật hẹp, chỉ đề cao và nhấn mạnh người thân mà nhạt người sơ, thì chữ “Nhân” trong quan niệm của Hồ Chí Minh mang một nội dung bao la rộng lớn - “ôm cả non sông, mọi kiếp người”. Đối tượng của “Nhân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là con người; tuy nhiên, đó không phải là con người chung chung trừu tượng, phi giai cấp, phi lịch sử. Lòng nhân ái đó dành cho những tầng lớp, những con người cụ thể trong xã hội. Đó là sự kính trọng các cụ già, yêu thương các cháu nhỏ, tin tưởng vào thế hệ trẻ, lên án mọi bất công, thô

bạo đối với phụ nữ và luôn quan tâm đến việc giải phóng phụ nữ, đòi quyền tự do, bình đẳng cho nhân loại cần lao.

Khái niệm “Nhân” mà Hồ Chí Minh sử dụng có nội dung cụ thể, rõ ràng và khác về căn bản với chữ “Nhân” của Nho giáo. Đó là: “thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn sàng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ oai quyền”⁽⁶⁾. Nhân trong cách hiểu của Hồ Chí Minh là tình thương yêu không bờ bến đối với Tổ quốc, đồng bào, với toàn thể nhân loại cần lao cũng như các dân tộc thuộc địa bị áp bức; đó không chỉ yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, mà còn là tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Ở Hồ Chí Minh, “Nhân” không chỉ là sự yêu thương, tôn trọng con người, trân trọng nhân cách và phẩm giá con người, lòng yêu quý nhân dân, mà còn là niềm tin vào vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân, sự tận tụy đến quên mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Sự quan tâm, chăm lo đến con người của Hồ Chí Minh bao giờ cũng là sự hài hòa giữa việc quan tâm đến những nhu cầu, lợi ích của mỗi người với sự giáo dục, bồi

⁽⁵⁾ Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 225.

⁽⁶⁾ Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 251-252.

dưỡng để nâng cao những phẩm chất cao quý nhất trong mỗi con người nhằm phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Sự giáo dục đó dựa trên niềm tin sâu sắc vào cái tốt, cái thiện trong mỗi con người. Tiếp thu giá trị truyền thống, những tư tưởng tiến bộ của thời đại, thẩm nhuần chủ nghĩa nhân văn cách mạng, nên Người luôn mong muốn nâng cao giá trị, năng lực của con người, bồi dưỡng và giáo dục để con người ngày càng trở nên hữu ích hơn, tốt đẹp hơn, cao quý hơn. Vì thế, *“Nhân” trong quan niệm của Hồ Chí Minh đã trở thành một chủ nghĩa nhân văn sâu sắc*. Tư tưởng đó vừa thẩm nhuần nhân sinh quan cộng sản, vừa thể hiện sâu sắc những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc và nhân loại.

“Nhân” trong cách hiểu của Hồ Chí Minh còn là sự đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu cái ác, hướng tới xoá bỏ mọi áp bức bất công để giải phóng con người. Tư tưởng yêu nước, thương dân, trân trọng những người cùng khổ được thể hiện rõ nét trong suy nghĩ và hành động của Người. Người xác định rõ mục đích trên con đường tranh đấu là phải giải phóng những người nô lệ mất nước đang sống trong lầm than, lao dịch khổ sai, đang bị giam hãm trong vòng ngu dốt tối tăm, giải phóng giai cấp cần lao đau khổ, tiến đến giải phóng con người. Lòng nhân ái của Hồ Chí Minh dành cho mọi lớp người. Trong tình thương yêu đó có chỗ cho tất cả, “không quên không sót một ai”. Tư tưởng nhân ái, khoan dung của Hồ Chí

Minh thấm đượm chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân đạo. Đó không chỉ là tâm hồn biết xót xa đến thân phận của những người cùng khổ nhất trong những người cùng khổ, không chỉ dừng ở sự đồng cảm, thương xót con người theo kiểu tôn giáo, mà còn là tích cực, kiên quyết, không ngừng hành động, bèn bĩ đấu tranh để giải thoát những người bất hạnh đang bị áp bức bóc lột khỏi cảnh lầm than, cơ cực, khổ đau. Thương người của Hồ Chí Minh cũng bao hàm nhân dân các dân tộc mang xiềng xích thực dân. Lòng thương đó không phải là sự cảm thông của một người đứng từ trên nhìn xuống hay đứng bên ngoài nhìn vào, mà là tìm mọi cách làm cho những người lao khổ và dân tộc bị áp bức có thể tự mình cởi ách ngựa trâu để đến với tự do và hạnh phúc. Người không chỉ gắn tình yêu của mình vào con người, vào đồng loại, độ lượng khoan dung với kẻ thù, mà còn quan tâm sâu sắc đến việc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Vì yêu con người nên, Hồ Chí Minh tìm mọi phương thức để mang lại hạnh phúc, tự do cho con người với phương châm “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Hồ Chí Minh đã tiếp thu truyền thống đạo đức, lòng nhân ái, yêu thương quý trọng con người của dân tộc và nhân loại, nâng nó lên thành chủ nghĩa nhân văn cách mạng.

Lòng thương người, lối sống nhân ái, thủy chung được Người nâng lên tầm cao mới, gắn với nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa. Trong lời phát biểu về

việc xuất bản loại sách “Người tốt việc tốt”, Người nói: “Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà”⁽⁷⁾. “Nhân” phải đi liền với “Nghĩa” - đó là sự ngay thẳng, không tà tâm, không làm những việc bậy bạ, không có việc gì phải giấu Đảng, ngoài lợi ích của Đảng, của nhân dân không có lợi ích nào khác. Lúc Đảng giao cho việc, thì bất kỳ to nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói, không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người cũng luôn luôn đúng đắn.

Chữ “Nhân” mà Nho giáo đề cao, trước hết là nhằm vào những đối tượng trong “tam cương” và “ngũ luân”, nhấn mạnh “trung với vua” và “hiếu với cha mẹ”. Hồ Chí Minh cũng nói về chữ “Nhân”, nhưng đó là tình cảm thiêng liêng, sâu sắc của người cách mạng với dân với nước - là tận trung với Tổ quốc, tận hiếu với nhân dân. Trong quá trình giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là cho những người cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh cũng thường nói đến chữ “Nhân” và Người nêu lên một cách vắn tắt, nhưng thiết thực, mang ý nghĩa sâu sắc về nó: “Chữ nhân là người, là anh em, là họ hàng, nghĩa rộng là cả bạn bè, đồng bào cả nước, rộng nữa là cả loài người”. Người luôn khuyên cán bộ đảng viên: “Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại

cho dân phải hết sức tránh”.

Hiện nay, chúng ta đang đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thì một trong những nội dung quan trọng hàng đầu phải là tinh thần nhân ái, khoan dung của Người. Khoan dung không có nghĩa là thỏa hiệp với những tội ác chà đạp lên “quyền được sống, được tự do và mưu cầu hạnh phúc” của mỗi dân tộc cũng như mỗi cá nhân, không phải nhượng bộ vô nguyên tắc với những sự bất công, mà phải trên cơ sở tôn trọng chính nghĩa và công lý, hướng tới tự do và bình đẳng của mọi lớp người. Nghĩa là, chữ “Nhân” của Hồ Chí Minh là sự gắn kết chặt chẽ giữa tình thương bao la vô hạn với một lý trí sáng suốt, nhân gắn liền với trí và dũng. Bản thân Người cũng là bậc “Đại nhân, đại trí, đại dũng”. Đạo đức khoan dung của Hồ Chí Minh lấy lòng thương yêu con người làm cơ sở, đồng thời lấy công lý, chính nghĩa làm phương châm xử trí mọi công việc. Chữ “Nhân” trong tư tưởng đạo đức của Người là sự thấm nhuần chủ nghĩa nhân đạo cộng sản với tinh hoa của văn minh, văn hoá nhân loại; là sự kế thừa và phát triển đến đỉnh cao truyền thống đạo đức nhân hậu, nhân nghĩa Việt Nam. Từ phạm trù “Nhân” của Nho giáo đến phạm trù “Nhân” trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một quá trình “cách mạng hóa”, làm nên sự khác biệt căn bản về chất.

⁽⁷⁾ Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 554.

